

Số: 355/BC-MNBA

Bắc An, ngày 01 tháng 10 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON BẮC AN

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Bắc An: Thôn Mệnh Trường – Xã Bắc An, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0986724257

- Email: [truongmamnonbacan@gmail.com](mailto:truongmamnonbacan@gmail.com)

- Website: <http://mnbacan.chilinh.edu.vn>

- Fanpage: Trường Mầm non Bắc An.

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND thành phố Chí Linh.

#### 1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

##### Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ giáo viên đạo đức, giỏi chuyên môn – là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.



**Tầm nhìn:**

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

**Mục tiêu:**

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

**1.5. Quá trình hình thành và phát triển.**

Trường mầm non Bắc An được thành lập từ năm 1990. Trường được xây dựng trên địa bàn xã Bắc An, nằm ở phía Bắc của thành phố Chí Linh. Tháng 11/2017 trường được công nhận Trường Chuẩn quốc gia Mức độ I. Tháng 12/2022 trường được công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 sau 5 năm theo Quyết định số 3586/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương và Kiểm định chất lượng giáo dục đạt mức độ 2(CNKĐ 23/12/2022).

Qua 34 năm phấn đấu, xây dựng và trưởng thành, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của UBND thành phố Chí Linh; sự chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo; sự quan tâm của Đảng, Chính quyền, nhân dân địa phương, cùng các ban ngành đoàn thể và các bậc phụ huynh học sinh. Trường có cơ sở khang trang, khung cảnh sư phạm đẹp phù hợp với trẻ MN. Chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ ngày càng được nâng cao, trường đạt nhiều thành tích trong các phong trào thi đua của ngành, địa phương.

**1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.**

Họ và tên: Bùi Thị Nhung

Chức vụ: Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Bắc An; thôn Mệnh Trường, Xã Bắc An, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.



Số điện thoại: 0986724257

Địa chỉ thư điện tử: [thanhnhungmnht1973@gmail.com](mailto:thanhnhungmnht1973@gmail.com)

### 1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số 1208/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2008 của UBND Huyện Chí Linh chuyển đổi trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn thị xã Chí Linh ( nay là thành phố Chí Linh).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường,

Danh sách thành viên hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Chức vụ Hội đồng trường
1	Bùi Thị Nhung	Bí thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Tạ Thị Yên	Kế toán, văn thư	Thư ký
3	Mai Chi Phương	Tổ trưởng tổ Mẫu giáo	Ủy viên
4	Đặng Văn Bảo	Phó chủ tịch UBND xã	Ủy viên
5	Nguyễn Thị Hồng	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên
6	Phạm Thị Yến	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên
7	Hoàng Thị Lệ	Phụ huynh lớp 3TA	Ủy viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

Quyết định số 649/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm chức danh hiệu trưởng trường Mầm non Bắc An đối với đ/c Bùi Thị Nhung.

Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 29 tháng 03 năm 2024 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Bắc An đối với đ/c Hoàng Thị Thúy.



Quyết định số 827/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Bắc An đối với đ/c Nguyễn Thị Vi

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

(Kèm theo bảng sơ đồ bộ máy nhà trường)

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 2.1. Số lượng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CB	TC	Dưới TC
	<b>Tổng số CBQL, GV, NV</b>	<b>40</b>			<b>30</b>	<b>2</b>		<b>8</b>
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>			<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
<b>II</b>	<b>Giáo viên</b>	<b>28</b>			<b>26</b>	<b>2</b>		
1	Nhà trẻ	6			5	1		
2	Mẫu giáo	22			21	1		
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>			<b>1</b>			<b>5</b>
1	Nhân viên kế toán	1			1			
2	Nhân viên văn thư							
3	Thủ quỹ							
4	Nhân viên y tế							
5	Nhân viên nuôi dưỡng	5						5
6	Nhân viên Bảo vệ	3						3
7	Nhân viên VSMT							
8	Nhân viên phục vụ							

### 2.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp



STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>03</b>		<b>03</b>	
Xếp loại	Tốt	03	100%	03	100%
	Khá				
	Đạt				
	Chưa đạt				
2	<b>Giáo viên</b>	<b>28</b>		<b>28</b>	
Xếp loại	Tốt	22		25	
	Khá	3		3	
	Đạt				
	Chưa đạt				

**2.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định**

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	100%	<b>3</b>	100%
2	<b>Giáo viên</b>	<b>28</b>	100%	<b>28</b>	100%
3	<b>Nhân viên</b>	<b>6</b>	100%	<b>6</b>	100%

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025	Theo yêu cầu quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng				
	Điểm trường	3	3	3	
	Diện tích bình quân cho trẻ				
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng				
2.1.	<b>Khối phòng nuôi</b>				



	<b>duỡng, chăm sóc trẻ</b>				
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	14	14	14	
	Phòng vệ sinh	28	28	28	
	Phòng ngủ				
	Phòng khác				
<b>2.2.</b>	<b>Khối phòng phục vụ học tập</b>				
	Thư viện				
	Phòng thể chất				
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1	1	
	Phòng khác				
<b>2.3.</b>	<b>Phòng tổ chức ăn</b>				
	Nhà bếp	3	3	3	
	Nhà kho				
	Phòng khác				
<b>2.4.</b>	<b>Khối phòng hành chính, quản trị</b>				
	Phòng hiệu trưởng	1	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	1	1	1	
	Văn phòng trường	1	1	1	
	Phòng họp				
	Phòng hành chính quản trị	1	1	1	
	Phòng bảo vệ	1	1	1	
	Phòng y tế	1	1	1	
	Phòng truyền thống				
	Phòng nhân viên				
	Phòng khác				
<b>2.5.</b>	<b>Khối công trình công cộng</b>				
	Nhà xe giáo viên	3	3	3	
	Phòng khác				
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có				
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	3	3	3	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác				
	- Ti vi	4	4	4	
	- Nhạc cụ				
	- Máy phô tô				



- Catsset				
- Đầu video/ đầu đĩa	3	3	3	
- Máy vi tính văn phòng	1	1	1	

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 4.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

- Kết quả tự đánh giá

Trường Mầm non Bắc An tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2, đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

##### 4.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận: Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 3586/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 theo Quyết định số:1443/QĐ-SGDĐT ngày 23/12/2022.

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng từ năm 2023 -2024.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số lớp	14	14
2	Tổng số trẻ	346	328
3	Số trẻ bình quân/nhóm(lớp)	24,7	23,4
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	346	328
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	346	328
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	346	328
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	111	100



8	Số trẻ khuyết tật	0	1
---	-------------------	---	---

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Thu - chi ngân sách:

#### 1.1. Thu - chi ngân sách năm 2023:

TT	Ngân sách được giao	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền (đồng)
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>3.966.061.000</b>	<b>I. Kinh phí thường xuyên</b>	<b>3.966.061.000</b>
1			Tiền lương	1.646.711.003
2			Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	72.000.000
3			Phụ cấp lương	1.192.974.477
4			Tiền thưởng	11.175.000
5			Các khoản đóng góp	446.783.616
6			Thanh toán dịch vụ công cộng	27.983.527
7			Vật tư văn phòng	28.347.511
8			Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	8.214.325
9			Khoản công tác phí	5.400.000
10			Chi phí thuê mướn	128.280.000
11			Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	47.086.080
12			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	276.895.861
13			Chi khác	74.209.600
<b>II</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên</b>	<b>672.170.000</b>	<b>II. Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>672.170.000</b>
14			Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	7.750.000
15			Chi phí thuê mướn	39.904.000
16			Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	412.861.000
17			Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	36.800.000



18			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	173.235.000
19			Chi khác	1.620.000
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>4.638.231.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>4.638.231.000</b>

*Dự toán chuyển sang năm 2024: 360.000.000đ (KP hỗ trợ GVMN năm 2024 theo NQ số 24/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh HD)*

## 1.2. Thu - chi ngân sách năm 2024 (Tính đến thời điểm hết tháng 6/2024)

TT	Ngân sách được giao	Số tiền	Nội dung chi	Số tiền
<b>I</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>4.390.559.000</b>	<b>Kinh phí thường xuyên</b>	<b>2.260.878.751</b>
1			Tiền lương	942.238.478
			Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	25.681.900
2			Phụ cấp lương	761.537.712
3			Các khoản đóng góp	250.951.560
4			Thanh toán tiền dịch vụ công cộng	14.869.222
5			Vật tư văn phòng	12.076.798
6			Thông tin tuyên truyền liên lạc	1.650.000
			Công tác phí	2.700.000
7			Chi phí thuê mướn	50.905.700
8			Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	22.000.000
9			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	145.878.281
10			Chi khác	30.389.100
	<b>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>370.170.000</b>	<b>Kinh phí không thường xuyên/không tự chủ</b>	<b>181.900.000</b>
12			Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	7.900.000
13			Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	174.000.000
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>4.760.729.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>2.442.778.751</b>

## 2. Thu - chi học phí:

### 2.1. Thu - chi học phí năm 2023:



TT	Nội dung thu	Số tiền thu	Nội dung chi	Số tiền chi
1	Tiền học phí	172.320.000	40% Chi CCTL	68.928.000
			60% Chi hoạt động	103.392.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>172.320.000</b>
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>172.320.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>172.320.000</b>

**2.2. Thu - chi học phí năm 2024 (Tính đến thời điểm hết tháng 6/2024):**

TT	Nội dung thu	Số tiền thu	Nội dung chi	Số tiền chi
1	Tiền học phí	95.640.000	40% Chi CCTL	38.256.000
			60% Chi lương, bảo hiểm giáo viên hợp đồng, chi hoạt động	57.384.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>95.640.000</b>
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>95.640.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>95.640.000</b>

**3. Thu - chi các khoản dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2023 - 2024:**

TT	Nội dung thu	Số tiền thu	Nội dung chi	Số tiền chi
1	Tiền ăn	815.354.000	Chi mua lương thực, thực phẩm, gia vị, rau, củ, quả 2 bữa/ngày theo bảng thực đơn theo mùa, theo bảng tính khẩu phần ăn cho trẻ; mua hoa quả cho trẻ liên hoan	814.555.000
			Chi trả lại tiền thừa cho học sinh	799.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>815.354.000</b>
2	Tiền chăm sóc, phục vụ bán trú	686.880.000	Chi tiền lương cho cô nuôi	234.000.000
			Chi tiền trực trưa, QLBT cho CB, GV, NV	452.880.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>686.880.000</b>
3	Tiền phụ phí (Chất đốt, nước phục vụ bán trú, nước tẩy, rửa)	100.170.000	Chi tiền mua gas	71.550.000
			Chi tiền nước phục vụ bán trú	14.310.000
			Chi tiền nước tẩy rửa phục vụ bán trú	14.310.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>100.170.000</b>
4	Tiền mua sắm dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn và đồ dùng cá	19.900.000	Mua dụng cụ, đồ dùng phục vụ nấu ăn: Xoong nhôm, chảo inox, thớt gỗ, ...	2.411.168



	<b>nhân trẻ bán trú (lần đầu)</b>		Mua đồ dùng cá nhân trẻ bán trú: Bát con inox, thìa con inox, chăn siêu nhẹ, đệm, chiếu	17.488.832
			<b>Cộng chi</b>	<b>19.900.000</b>
5	<b>Tiền đồ dùng, đồ chơi và học liệu</b>	<b>36.050.000</b>	Mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu lớp nhà trẻ	5.000.000
			Mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu lớp 3 tuổi	9.020.000
			Mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu lớp 4 tuổi	11.760.000
			Mua đồ dùng, đồ chơi, học liệu lớp 5 tuổi	10.270.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>36.050.000</b>
6	<b>Tiền nước uống của học sinh</b>	<b>14.310.000</b>	Chi nước tinh khiết đóng bình 19L	14.310.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>14.310.000</b>
7	<b>Tiền vệ sinh trường, lớp, nhà vệ sinh</b>	<b>57.240.000</b>	Chi tiền công nhân viên quét dọn vệ sinh trường	18.000.000
			Chi tiền dụng cụ, đồ dùng phục vụ công tác vệ sinh cho nhóm lớp	39.240.000
			<b>Cộng chi</b>	<b>57.240.000</b>
	<b>Cộng tổng số</b>	<b>1.729.904.000</b>	<b>Cộng tổng số</b>	<b>1.729.904.000</b>

#### 4. Miễn, giảm học phí

STT	Nội dung	Năm 2023	6 tháng đầu năm 2024
1	Chính sách và kết quả thực hiện về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng	1.620.000	1.500.000
2	Số dư quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)	0	0

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 7.1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non.

Ban giáo hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng



cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên

### **7.2. Thực hiện các kế hoạch, đề án**

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

### **7.3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế**

**Công tác xã hội hóa tại nhà trường đạt được kết quả khả quan vượt trội so với kết quả dự kiến. Nhà trường nhận được sự hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, hội khuyến học xã, mạnh thường quân, đơn vị bộ đội kết nghĩa và phụ huynh học sinh hỗ trợ như: .....**

### **7.4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin**

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như SSC, IMAS, phần mềm bảo xã hội, kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm Media quản lý trang web... Sử dụng phần mềm Mind-Jet trong xây dựng kế hoạch soạn giảng các lứa tuổi được Ban giám hiệu quản lý trên mạng nội bộ của nhà trường.

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm ....

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pintersest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần



mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

### 7.5. Công tác truyền thông

Nhà trường có xây dựng kế hoạch truyền thông, ra quyết định phân công người phụ trách công tác truyền thông và thực hiện báo cáo theo yêu cầu của các cấp lãnh đạo. Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage mầm non Bắc An, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <http://cl-mnbacan.haiduong.edu.vn/>.

**Nơi nhận:**

- Các PHT, Các tổ CM, VP;
- Lưu: Hồ sơ công khai, VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**Bùi Thị Nhung**

